

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1201

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320001	LÊ VŨ BÌNH AN	03/06/2006	Nữ	12 Lý	
2	320002	NGUYỄN KỶ AN	09/01/2006	Nam	12 Hoá	
3	320003	TRÌNH BÌNH AN	11/02/2006	Nam	12 Tin	
4	320004	BÙI ĐỨC ANH	24/12/2006	Nam	12 Anh	
5	320005	BÙI HỒNG ANH	15/12/2006	Nữ	12 Anh	
6	320006	BÙI THẾ ANH	06/07/2006	Nam	12 C3	
7	320007	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	10/01/2006	Nữ	12 Lý	
8	320008	BÙI TUẤN ANH	01/08/2006	Nam	12 Lý	
9	320009	ĐẶNG THỊ MINH ANH	15/05/2006	Nữ	12 Sử	
10	320010	ĐỖ THUY ANH	11/02/2006	Nữ	12 Sinh	
11	320011	ĐỖ VŨ MINH ANH	18/02/2006	Nữ	12 C3	
12	320012	HOÀNG HẢI ANH	14/08/2006	Nữ	12 Địa	
13	320013	LÊ NGUYỄN VĂN ANH	19/12/2006	Nữ	12 Anh	
14	320014	LÊ QUỲNH ANH	01/12/2006	Nữ	12 C3	
15	320015	LÊ THỊ NGỌC ANH	24/06/2006	Nữ	12 Địa	
16	320016	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	24/08/2006	Nữ	12 Địa	
17	320017	LƯƠNG NGỌC ANH	31/12/2006	Nữ	12 C1	
18	320018	NGÔ HUỆ ANH	28/01/2006	Nữ	12 Trung	
19	320019	NGÔ PHƯƠNG ANH	16/08/2006	Nữ	12 Trung	
20	320020	NGÔ THỊ VĂN ANH	02/05/2006	Nữ	12 Hoá	
21	320021	NGUYỄN BẢO ANH	10/10/2006	Nữ	12 Trung	
22	320022	NGUYỄN ĐỨC ANH	02/04/2006	Nam	12 Địa	
23	320023	NGUYỄN LÊ TÂM ANH	22/02/2006	Nữ	12 C2	
24	320024	NGUYỄN NGỌC MỸ ANH	21/02/2006	Nữ	12 Sử	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1202

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320025	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	30/09/2006	Nữ	12 Sử	
2	320026	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	25/06/2006	Nữ	12 Tin	
3	320027	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	31/05/2006	Nữ	12 C2	
4	320028	NGUYỄN QUANG HẢI ANH	30/05/2006	Nam	12 Anh	
5	320029	NGUYỄN THẾ ANH	12/05/2006	Nam	12 Địa	
6	320030	NGUYỄN THỊ DIỆU ANH	07/01/2006	Nữ	12 Sinh	
7	320031	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	22/01/2006	Nữ	12 Tin	
8	320032	NGUYỄN THỊ HUYỀN ANH	06/10/2006	Nữ	12 Anh	
9	320033	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	31/08/2006	Nữ	12 Sử	
10	320034	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	04/02/2006	Nữ	12 C1	
11	320035	NGUYỄN THỊ QUẾ ANH	25/12/2006	Nữ	12 Sinh	
12	320036	PHẠM ĐỨC ANH	10/01/2006	Nam	12 C1	
13	320037	PHẠM HÀ ANH	15/08/2006	Nữ	12 Văn	
14	320038	PHẠM MINH ANH	29/11/2006	Nữ	12 C2	
15	320039	PHẠM QUỐC ANH	14/09/2006	Nam	12 Lý	
16	320040	PHẠM THỊ LAN ANH	28/07/2006	Nữ	12 Sinh	
17	320041	PHẠM THỊ NGỌC ANH	09/03/2006	Nữ	12 Toán	
18	320042	PHẠM THUỶ ANH	10/01/2006	Nữ	12 C1	
19	320043	TRẦN HÙNG ANH	28/10/2006	Nam	12 C3	
20	320044	TRẦN MINH ANH	06/02/2006	Nữ	12 Văn	
21	320045	TRẦN THẾ ANH	04/06/2006	Nam	12 Anh	
22	320046	VŨ KỶ ANH	15/09/2006	Nam	12 C3	
23	320047	VŨ NGỌC LAN ANH	19/10/2006	Nữ	12 C3	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1203

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320048	VŨ QUỐC ANH	28/01/2006	Nam	12 Lý	
2	320049	VŨ QUỲNH ANH	22/11/2006	Nữ	12 Toán	
3	320050	VŨ QUỲNH ANH	05/01/2006	Nữ	12 Sinh	
4	320051	VŨ THU HÀ ANH	30/09/2006	Nữ	12 Sinh	
5	320052	VƯƠNG HÀ ANH	12/09/2006	Nữ	12 Văn	
6	320053	HOÀNG THỊ MINH ÁNH	02/12/2006	Nữ	12 Sinh	
7	320054	NGUYỄN NGỌC ÁNH	08/09/2006	Nữ	12 Tin	
8	320055	THẨM NGỌC ÁNH	05/05/2006	Nữ	12 C2	
9	320056	TRẦN NGỌC ÁNH	10/01/2006	Nữ	12 Sinh	
10	320057	TRƯƠNG THỊ HỒNG ÁNH	23/01/2006	Nữ	12 C2	
11	320058	ĐỖ HUY BÁCH	07/03/2006	Nam	12 Lý	
12	320059	NGÔ GIA BẢO	26/03/2006	Nam	12 Lý	
13	320060	TRẦN LÊ GIA BẢO	04/09/2006	Nam	12 Hoá	
14	320061	BÙI HUY BÌNH	26/11/2006	Nam	12 C1	
15	320062	KHÚC THANH BÌNH	15/04/2006	Nam	12 Anh	
16	320063	NGUYỄN HOÀNG BÌNH	11/02/2006	Nam	12 C3	
17	320064	NGUYỄN THÁI BÌNH	07/10/2006	Nam	12 Tin	
18	320065	TRẦN NGUYỄN THANH BÌNH	26/08/2006	Nam	12 Lý	
19	320066	PHẠM LAN BÍCH	22/11/2006	Nữ	12 C1	
20	320067	PHẠM HUYỀN CHÂM	04/01/2006	Nữ	12 Văn	
21	320068	BÙI BẢO MINH CHÂU	20/09/2006	Nữ	12 C3	
22	320069	BÙI PHƯƠNG CHI	21/02/2006	Nữ	12 Văn	
23	320070	CHU MẶN CHI	07/06/2006	Nữ	12 C3	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1204

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320071	DƯ THỊ HÀ CHI	11/03/2006	Nữ	12 Sinh	
2	320072	ĐÀM NGUYỄN HÀ CHI	13/01/2006	Nữ	12 Hoá	
3	320073	ĐINH LAN CHI	03/12/2006	Nữ	12 C1	
4	320074	ĐOÀN KHÁNH CHI	15/09/2006	Nữ	12 C2	
5	320075	ĐỖ BẢO CHI	08/09/2006	Nữ	12 C1	
6	320076	NGUYỄN BẢO CHI	21/02/2006	Nữ	12 Sinh	
7	320077	NGUYỄN LAN CHI	15/12/2006	Nữ	12 Địa	
8	320078	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	18/09/2006	Nữ	12 C2	
9	320079	PHẠM PHƯƠNG CHI	01/01/2006	Nữ	12 C1	
10	320080	VŨ ĐỨC CƯỜNG	13/11/2006	Nam	12 Tin	
11	320081	TRẦN MẠNH DANH	28/08/2006	Nam	12 Tin	
12	320082	NGUYỄN MINH ĐIỂM	14/02/2006	Nữ	12 Anh	
13	320083	CHU NGỌC DIỆP	28/10/2006	Nữ	12 Sinh	
14	320084	DƯƠNG NGỌC DIỆP	04/09/2006	Nữ	12 Địa	
15	320085	ĐỖ NGỌC DIỆP	22/05/2006	Nữ	12 Văn	
16	320086	HOÀNG NGỌC DIỆP	22/09/2006	Nữ	12 Anh	
17	320087	TRƯƠNG NGỌC DIỆP	19/03/2006	Nữ	12 C2	
18	320088	BÙI THỊ MAI DUNG	05/09/2006	Nữ	12 Sử	
19	320089	HOÀNG THỊ THÙY DUNG	14/04/2006	Nữ	12 Anh	
20	320090	NGUYỄN THÙY DUNG	29/08/2006	Nữ	12 Sinh	
21	320091	HÀ ĐỨC DUY	17/11/2006	Nam	12 Toán	
22	320092	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	19/01/2006	Nữ	12 Văn	
23	320093	PHẠM MỸ DUYÊN	15/06/2006	Nữ	12 Trung	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1205

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320094	TRẦN NHƯ KỶ DUYÊN	20/07/2006	Nữ	12 Văn	
2	320095	HỒ ANH DŨNG	21/09/2006	Nam	12 C1	
3	320096	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	23/11/2006	Nam	12 C3	
4	320097	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN DŨNG	06/12/2006	Nam	12 C1	
5	320098	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	11/11/2006	Nam	12 Lý	
6	320099	TẠ TIẾN DŨNG	25/07/2006	Nam	12 C3	
7	320100	BÙI BẠCH DƯƠNG	05/08/2006	Nữ	12 C1	
8	320101	CÙ THỊ ÁNH DƯƠNG	12/08/2006	Nữ	12 Văn	
9	320102	ĐẶNG ĐẠI DƯƠNG	21/02/2006	Nam	12 Toán	
10	320103	HOÀNG QUÝ DƯƠNG	19/04/2006	Nam	12 Anh	
11	320104	NGÔ THỊ THÙY DƯƠNG	01/01/2006	Nữ	12 Văn	
12	320105	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	26/10/2006	Nam	12 Lý	
13	320106	NGUYỄN PHẠM HÀ DƯƠNG	28/09/2006	Nữ	12 Anh	
14	320107	PHẠM ÁNH DƯƠNG	23/10/2006	Nữ	12 Toán	
15	320108	PHẠM BẠCH DƯƠNG	06/03/2006	Nữ	12 C3	
16	320109	TRẦN THÙY DƯƠNG	25/02/2006	Nữ	12 Hoá	
17	320110	TRỊNH THÁI DƯƠNG	26/05/2006	Nam	12 Sinh	
18	320111	VŨ HOÀNG DƯƠNG	30/05/2006	Nam	12 Toán	
19	320112	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	08/05/2006	Nam	12 C3	
20	320113	PHẠM TẮT ĐẠT	29/11/2006	Nam	12 Lý	
21	320114	PHẠM VĂN ĐẠT	11/08/2006	Nam	12 C2	
22	320115	TÔ VŨ HẢI ĐĂNG	04/05/2006	Nam	12 Tin	
23	320116	TRẦN HẢI ĐĂNG	25/08/2006	Nam	12 Toán	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1206

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320117	VŨ ĐỨC HẢI ĐĂNG	05/09/2006	Nam	12 Anh	
2	320118	VŨ HẢI ĐĂNG	18/09/2006	Nam	12 Toán	
3	320119	NGUYỄN ĐỨC ĐIỆP	08/05/2006	Nam	12 C1	
4	320120	VŨ NGỌC ĐIỆP	14/06/2006	Nữ	12 C3	
5	320121	NGUYỄN TRUNG ĐÔNG	12/07/2006	Nam	12 C1	
6	320122	ĐẶNG MINH ĐỨC	22/11/2006	Nam	12 Lý	
7	320123	ĐOÀN MINH ĐỨC	15/06/2006	Nam	12 Trung	
8	320124	LÊ TRUNG ĐỨC	29/04/2006	Nam	12 Lý	
9	320125	NGÔ NGUYỄN ĐỨC	21/10/2006	Nam	12 C1	
10	320126	NGUYỄN MINH ĐỨC	22/09/2006	Nam	12 Địa	
11	320127	NGUYỄN TÀI ĐỨC	12/09/2006	Nam	12 Hoá	
12	320128	PHẠM TRUNG ĐỨC	22/04/2006	Nam	12 Toán	
13	320129	CAO QUỲNH GIANG	16/06/2006	Nữ	12 Địa	
14	320130	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	13/01/2006	Nữ	12 Lý	
15	320131	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	27/11/2006	Nữ	12 Sử	
16	320132	NGUYỄN MAI HƯƠNG GIANG	02/11/2006	Nữ	12 Địa	
17	320133	NGUYỄN NGỌC TRÀ GIANG	23/11/2006	Nữ	12 Tin	
18	320134	NGUYỄN THỊ THANH GIANG	19/02/2006	Nữ	12 C1	
19	320135	PHẠM THU GIANG	05/09/2006	Nữ	12 Tin	
20	320136	ĐÀO NGỌC HÀ	27/03/2006	Nữ	12 Tin	
21	320137	ĐÀO VĂN HÀ	18/03/2006	Nữ	12 Văn	
22	320138	HÀ BẢO HÀ	13/02/2006	Nữ	12 Văn	
23	320139	LÊ HOÀNG HÀ	22/08/2006	Nữ	12 Trung	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1207

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320140	LÊ VŨ NGỌC HÀ	10/06/2006	Nữ	12 Sử	
2	320141	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC HÀ	10/05/2006	Nữ	12 Toán	
3	320142	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG HÀ	05/08/2006	Nam	12 Địa	
4	320143	NGUYỄN NGÂN HÀ	14/09/2006	Nữ	12 Địa	
5	320144	NGUYỄN NGỌC HÀ	10/12/2006	Nữ	12 Lý	
6	320145	NGUYỄN VĂN HÀ	05/01/2006	Nữ	12 Văn	
7	320146	VŨ LÊ NGÂN HÀ	27/10/2006	Nữ	12 C2	
8	320147	LÊ THÚY HẢO	23/05/2006	Nữ	12 C2	
9	320148	HOÀNG HỒNG HẠNH	14/11/2006	Nữ	12 Địa	
10	320149	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	20/01/2006	Nữ	12 Toán	
11	320150	BÙI NGUYỄN THU HẰNG	20/03/2006	Nữ	12 Anh	
12	320151	ĐỖ MINH HẰNG	22/11/2006	Nữ	12 Sinh	
13	320152	HOÀNG TRINH THANH HẰNG	08/12/2006	Nữ	12 Văn	
14	320153	NGÔ MINH HẰNG	26/05/2006	Nữ	12 Hoá	
15	320154	NGUYỄN THÚY HẰNG	05/05/2006	Nữ	12 Anh	
16	320155	PHẠM MINH HẰNG	14/12/2006	Nữ	12 Tin	
17	320156	HỨA GIA HÂN	20/08/2006	Nữ	12 Anh	
18	320157	NGUYỄN BÙI BẢO HÂN	28/10/2006	Nữ	12 C3	
19	320158	NGUYỄN THANH HIỀN	25/08/2006	Nữ	12 C3	
20	320159	NINH HOÀNG HIỀN	06/06/2006	Nữ	12 C2	
21	320160	TRƯƠNG VĂN HIỀN	02/07/2006	Nam	12 C3	
22	320161	HOÀNG MINH HIẾU	29/09/2006	Nam	12 Tin	
23	320162	NGUYỄN TRUNG HIẾU	02/07/2006	Nam	12 Sinh	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1208

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320163	VŨ TRUNG HIẾU	29/11/2006	Nam	12 Anh	
2	320164	LÊ MAI HOA	26/04/2006	Nữ	12 Văn	
3	320165	LÊ NHẬT HOA	04/01/2006	Nữ	12 Trung	
4	320166	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	02/01/2006	Nữ	12 Địa	
5	320167	NGUYỄN QUỲNH HOA	31/05/2006	Nữ	12 Trung	
6	320168	TRẦN THỊ MAI HOA	20/08/2006	Nữ	12 Địa	
7	320169	ĐÌNH HUY HOÀNG	23/12/2006	Nam	12 Sử	
8	320170	ĐỖ LÊ HOÀNG	12/03/2006	Nam	12 Toán	
9	320171	MAI VŨ HOÀNG	02/03/2006	Nam	12 Lý	
10	320172	NGUYỄN HUY HOÀNG	10/10/2006	Nam	12 C1	
11	320173	PHAN ĐỨC HOÀNG	12/01/2006	Nam	12 Toán	
12	320174	PHẠM VIỆT HOÀNG	20/01/2006	Nam	12 Sinh	
13	320175	PHẠM MINH HÒA	01/08/2006	Nữ	12 Tin	
14	320176	ĐƯỜNG ÁNH HỒNG	26/07/2006	Nữ	12 Địa	
15	320177	BÙI GIA HUY	20/02/2006	Nam	12 Anh	
16	320178	ĐÀM QUANG HUY	22/08/2006	Nam	12 Lý	
17	320179	ĐÌNH QUỐC HUY	01/10/2006	Nam	12 C3	
18	320180	HOÀNG GIA HUY	06/06/2006	Nam	12 Toán	
19	320181	MANH HÀ HUY	12/11/2006	Nam	12 Lý	
20	320182	PHẠM GIA HUY	28/07/2006	Nam	12 Lý	
21	320183	VŨ ĐỨC GIA HUY	22/10/2006	Nam	12 Tin	
22	320184	ĐÌNH THANH HUYỀN	15/10/2006	Nữ	12 Văn	
23	320185	HÀ NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	17/05/2006	Nữ	12 Trung	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1209

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320186	LỤC KHÁNH HUYỀN	22/09/2006	Nữ	12 Anh	
2	320187	NGÔ KHÁNH HUYỀN	18/04/2006	Nữ	12 Trung	
3	320188	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	26/09/2006	Nữ	12 C3	
4	320189	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	25/12/2006	Nữ	12 Hoá	
5	320190	NGUYỄN THỊ THẢO HUYỀN	15/01/2006	Nữ	12 Hoá	
6	320191	PHẠM KHÁNH HUYỀN	17/09/2006	Nữ	12 Lý	
7	320192	TRẦN THANH HUYỀN	01/03/2006	Nữ	12 Anh	
8	320193	VŨ NGỌC KHÁNH HUYỀN	01/02/2006	Nữ	12 Trung	
9	320194	PHẠM MẠNH HÙNG	19/05/2006	Nam	12 Địa	
10	320195	VŨ MẠNH HÙNG	23/08/2006	Nam	12 Lý	
11	320196	VŨ THẾ HÙNG	26/09/2006	Nam	12 Hoá	
12	320197	CHU TUẤN HÙNG	09/01/2006	Nam	12 C1	
13	320198	ĐỒNG GIA HÙNG	26/05/2006	Nam	12 C1	
14	320199	HOÀNG QUỐC HÙNG	03/06/2006	Nam	12 Hoá	
15	320200	LÊ TUẤN HÙNG	03/01/2006	Nam	12 Sinh	
16	320201	NGUYỄN QUANG HÙNG	28/10/2006	Nam	12 Sinh	
17	320202	TRƯƠNG VIỆT HÙNG	31/08/2006	Nam	12 Anh	
18	320203	VŨ NGỌC HÙNG	23/02/2006	Nam	12 C3	
19	320204	LÝ HUỆ HƯƠNG	16/04/2006	Nữ	12 Sử	
20	320205	NGUYỄN LAN HƯƠNG	23/09/2006	Nữ	12 Văn	
21	320206	NGUYỄN MAI HƯƠNG	02/05/2006	Nữ	12 C2	
22	320207	NGUYỄN MAI HƯƠNG	09/05/2006	Nữ	12 C2	
23	320208	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	15/01/2006	Nữ	12 Văn	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1210

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320209	PHẠM LAN HƯƠNG	14/08/2006	Nữ	12 Sử	
2	320210	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG	02/02/2006	Nữ	12 C2	
3	320211	HOÀNG NGỌC KHÁNH	10/11/2006	Nữ	12 Anh	
4	320212	NGUYỄN NGỌC NAM KHÁNH	26/06/2006	Nam	12 C1	
5	320213	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	29/09/2006	Nam	12 Toán	
6	320214	PHẠM GIA KHÁNH	17/05/2006	Nam	12 Tin	
7	320215	PHẠM HOÀNG KHÁNH	31/10/2006	Nữ	12 Văn	
8	320216	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	15/08/2006	Nam	12 Hoá	
9	320217	TỪ NGỌC KHÁNH	25/07/2006	Nữ	12 Sinh	
10	320218	VŨ MAI KHÁNH	19/08/2006	Nữ	12 Lý	
11	320219	LÊ MẠNH KHIÊM	25/05/2006	Nam	12 Toán	
12	320220	ĐÌNH VIỆT KHÔI	24/05/2006	Nam	12 Lý	
13	320221	PHẠM MAI KHUÊ	14/07/2006	Nữ	12 Sinh	
14	320222	BÙI ANH KIÊN	20/07/2006	Nam	12 Tin	
15	320223	NGÔ TRUNG KIÊN	30/03/2006	Nam	12 C1	
16	320224	PHẠM TRUNG KIÊN	18/03/2006	Nam	12 Hoá	
17	320225	VŨ NGUYỄN TRUNG KIÊN	20/02/2006	Nam	12 Lý	
18	320226	VŨ TUẤN KIẾT	19/03/2006	Nam	12 Toán	
19	320227	PHAN NHẬT LAM	24/11/2006	Nữ	12 Sinh	
20	320228	ĐỖ NGỌC LAN	08/07/2006	Nữ	12 Văn	
21	320229	NGUYỄN HOÀNG LAN	11/07/2006	Nữ	12 Sử	
22	320230	PHẠM PHÚC LÂM	23/06/2006	Nam	12 Lý	
23	320231	BÙI KHÁNH LINH	17/02/2006	Nữ	12 Trung	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1211

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320232	BÙI PHƯƠNG LINH	16/01/2006	Nữ	12 C2	
2	320233	BÙI THỊ BẢO LINH	02/07/2006	Nữ	12 C3	
3	320234	BÙI THỊ KHÁNH LINH	30/12/2006	Nữ	12 C3	
4	320235	BÙI THỊ NGỌC LINH	28/02/2006	Nữ	12 Hoá	
5	320236	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	13/08/2006	Nữ	12 C2	
6	320237	ĐỖ HÀ LINH	29/06/2006	Nữ	12 Trung	
7	320238	ĐỖ KHÁNH LINH	05/03/2006	Nữ	12 C2	
8	320239	HOÀNG THÙY LINH	16/01/2006	Nữ	12 Văn	
9	320240	HOÀNG TÙNG LINH	08/03/2006	Nữ	12 C1	
10	320241	LÊ PHẠM KHÁNH LINH	17/08/2006	Nữ	12 C3	
11	320242	MAI KHÁNH LINH	16/08/2006	Nữ	12 C1	
12	320243	NGUYỄN ĐÀO KHÁNH LINH	26/12/2006	Nữ	12 Tin	
13	320244	NGUYỄN GIA LINH	24/09/2006	Nữ	12 Sinh	
14	320245	NGUYỄN HƯƠNG LINH	04/12/2006	Nữ	12 Trung	
15	320246	NGUYỄN HƯƠNG LINH	03/07/2006	Nữ	12 C1	
16	320247	NGUYỄN KHÁNH LINH	24/12/2006	Nữ	12 C3	
17	320248	NGUYỄN NGỌC LINH	14/10/2006	Nữ	12 Trung	
18	320249	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	05/11/2006	Nữ	12 Tin	
19	320250	NGUYỄN NHẬT LINH	29/04/2006	Nữ	12 Trung	
20	320251	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	11/06/2006	Nữ	12 Sử	
21	320252	NGUYỄN THẢO LINH	02/10/2006	Nữ	12 C1	
22	320253	NGUYỄN THÙY LINH	04/12/2006	Nữ	12 Hoá	
23	320254	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	30/10/2006	Nữ	12 Văn	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1212

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320255	PHẠM HÀ LINH	25/08/2006	Nữ	12 C1	
2	320256	PHẠM KHÁNH LINH	01/06/2006	Nữ	12 Trung	
3	320257	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	03/10/2006	Nữ	12 Sử	
4	320258	PHẠM THUY LINH	05/02/2006	Nữ	12 Anh	
5	320259	PHÙNG DIỆP LINH	08/07/2006	Nữ	12 C2	
6	320260	TRẦN THẢO LINH	01/01/2006	Nữ	12 C2	
7	320261	TRẦN THẢO LINH	11/08/2006	Nữ	12 C3	
8	320262	TRỊNH PHƯƠNG LINH	16/08/2006	Nữ	12 Trung	
9	320263	VŨ DIỆU LINH	01/02/2006	Nữ	12 C1	
10	320264	VŨ HOÀNG NHẬT LINH	22/09/2006	Nữ	12 Địa	
11	320265	VŨ HỒNG LINH	19/06/2006	Nữ	12 Trung	
12	320266	VŨ THỊ KHÁNH LINH	28/07/2006	Nữ	12 Sử	
13	320267	ĐIỆP BẢO LONG	23/09/2006	Nam	12 Lý	
14	320268	LÊ QUANG LỘC	27/10/2006	Nam	12 Toán	
15	320269	NGUYỄN ĐỨC BẢO LỘC	26/05/2006	Nam	12 Lý	
16	320270	PHẠM ĐỨC LỘC	08/07/2006	Nam	12 Tin	
17	320271	ĐỖ ĐỨC LƯƠNG	29/01/2006	Nam	12 Sinh	
18	320272	BÙI CẨM LY	13/06/2006	Nữ	12 Toán	
19	320273	KIỀU KHÁNH LY	25/06/2006	Nữ	12 Văn	
20	320274	NGUYỄN HÀ LY	05/09/2006	Nữ	12 C2	
21	320275	NGUYỄN THẢO LY	04/06/2006	Nữ	12 C1	
22	320276	VŨ KHÁNH LY	03/09/2006	Nữ	12 Trung	
23	320277	VŨ THỊ CẨM LY	06/05/2006	Nữ	12 Văn	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1213

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320278	ĐOÀN THỊ QUỲNH MAI	12/06/2006	Nữ	12 Sinh	
2	320279	NGÔ NGỌC MAI	15/09/2006	Nữ	12 Anh	
3	320280	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG MAI	13/12/2006	Nữ	12 Văn	
4	320281	PHẠM PHƯƠNG MAI	11/11/2006	Nữ	12 Địa	
5	320282	TRẦN HOÀNG MAI	13/04/2006	Nữ	12 C1	
6	320283	ĐOÀN ĐỨC MẠNH	14/10/2006	Nam	12 Toán	
7	320284	TRỊNH ÁI MẪN	07/06/2006	Nữ	12 Anh	
8	320285	BÙI QUANG MINH	16/10/2006	Nam	12 Sinh	
9	320286	ĐẶNG HOÀNG HẢI MINH	25/05/2006	Nam	12 Hoá	
10	320287	ĐINH TUẤN MINH	21/01/2006	Nam	12 Hoá	
11	320288	LÊ QUANG MINH	08/08/2006	Nam	12 Toán	
12	320289	LÊ QUANG MINH	18/06/2006	Nam	12 Văn	
13	320290	LÊ TUẤN MINH	28/03/2006	Nam	12 Văn	
14	320291	NGÔ LÊ GIA MINH	09/07/2006	Nam	12 Sinh	
15	320292	NGUYỄN ĐỨC MINH	09/09/2006	Nam	12 C2	
16	320293	NGUYỄN ĐỨC MINH	21/01/2006	Nam	12 C1	
17	320294	NGUYỄN LÊ MINH	02/11/2006	Nam	12 Tin	
18	320295	NGUYỄN NGỌC MINH	01/03/2006	Nữ	12 Toán	
19	320296	NGUYỄN PHÚC MINH	06/12/2006	Nam	12 Tin	
20	320297	NGUYỄN TRẦN ÁNH MINH	01/03/2006	Nữ	12 C2	
21	320298	PHẠM BÌNH MINH	15/02/2006	Nam	12 Tin	
22	320299	PHẠM NGÔ NGỌC MINH	11/10/2006	Nữ	12 Văn	
23	320300	PHẠM THẾ HOÀNG MINH	13/04/2006	Nam	12 C1	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1214

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320301	TRẦN NHẬT MINH	07/11/2006	Nam	12 Hoá	
2	320302	TRINH NGỌC MINH	02/07/2006	Nữ	12 Lý	
3	320303	TRINH TUẤN MINH	02/11/2006	Nam	12 C3	
4	320304	VŨ QUÝ MINH	21/02/2006	Nam	12 C2	
5	320305	LÊ TRÀ MY	29/12/2006	Nữ	12 C2	
6	320306	NGÔ THỊ HUYỀN MY	24/03/2006	Nữ	12 Trung	
7	320307	NGÔ TRÀ MY	31/01/2006	Nữ	12 Sử	
8	320308	NGUYỄN TRÀ MY	15/03/2006	Nữ	12 C3	
9	320309	PHẠM TRÀ MY	16/09/2006	Nữ	12 Hoá	
10	320310	TRẦN HUYỀN TRÀ MY	05/06/2006	Nữ	12 C2	
11	320311	BÙI NHẬT NAM	10/10/2006	Nam	12 Sử	
12	320312	MAI THÀNH NAM	31/07/2006	Nam	12 Tin	
13	320313	NGUYỄN HOÀNG NAM	26/12/2006	Nam	12 Hoá	
14	320314	TRINH NHẬT NAM	14/10/2006	Nam	12 Tin	
15	320315	PHẠM PHƯƠNG NGÀ	07/02/2006	Nữ	12 C3	
16	320316	ĐẶNG THU NGÂN	25/08/2006	Nữ	12 Văn	
17	320317	ĐIỆP HOÀNG NGÂN	05/04/2006	Nữ	12 C2	
18	320318	ĐOÀN HẢI NGÂN	06/01/2006	Nữ	12 Anh	
19	320319	NGUYỄN KIM NGÂN	13/12/2006	Nữ	12 Trung	
20	320320	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	23/05/2006	Nữ	12 C3	
21	320321	PHẠM KIỀU NGÂN	04/11/2006	Nữ	12 C3	
22	320322	BÙI BÍCH NGỌC	15/11/2006	Nữ	12 C2	
23	320323	BÙI MINH NGỌC	10/08/2006	Nữ	12 C3	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1215

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320324	ĐẶNG NGUYỄN BẢO NGỌC	16/09/2006	Nữ	12 Địa	
2	320325	HOÀNG BẢO NGỌC	26/05/2006	Nữ	12 Văn	
3	320326	HOÀNG THỊ ÁNH NGỌC	02/01/2006	Nữ	12 Hoá	
4	320327	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	13/08/2006	Nữ	12 Trung	
5	320328	NGUYỄN BẢO NGỌC	03/08/2006	Nữ	12 Sử	
6	320329	NGUYỄN MINH NGỌC	26/09/2006	Nữ	12 Hoá	
7	320330	TRẦN THỊ NHƯ NGỌC	20/01/2006	Nữ	12 C3	
8	320331	VŨ BÍCH QUỲNH NGỌC	07/02/2006	Nữ	12 C1	
9	320332	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	15/01/2006	Nữ	12 Văn	
10	320333	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	22/07/2006	Nữ	12 Văn	
11	320334	NGUYỄN THIÊN NHÂN	22/06/2006	Nam	12 Tin	
12	320335	NGUYỄN HUY NHẬT	14/01/2006	Nam	12 Lý	
13	320336	LÊ THỰC NHI	28/05/2006	Nữ	12 Trung	
14	320337	LÊ UYÊN NHI	23/08/2006	Nữ	12 C2	
15	320338	NGÔ THỊ NHUNG	27/12/2006	Nữ	12 Tin	
16	320339	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	11/06/2006	Nữ	12 Địa	
17	320340	NGÔ ĐÌNH NINH	16/11/2006	Nam	12 Tin	
18	320341	NGUYỄN DUY NINH	10/10/2006	Nam	12 C1	
19	320342	TRẦN VŨ KIỀU OANH	21/02/2006	Nữ	12 Địa	
20	320343	VŨ THỊ KIM OANH	24/04/2006	Nữ	12 C2	
21	320344	ĐỖ VŨ THẾ PHONG	19/01/2006	Nam	12 Toán	
22	320345	LÊ ĐỨC PHONG	26/05/2006	Nam	12 Sinh	
23	320346	LƯƠNG NGUYỄN HỒNG PHO	14/05/2006	Nam	12 C1	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1216

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320347	NGUYỄN TRẦN NHẤT PHONG	12/09/2006	Nam	12 Toán	
2	320348	ĐỖ TRỌNG PHÚ	20/02/2006	Nam	12 Hoá	
3	320349	HÀ TRỌNG PHÚ	29/11/2006	Nam	12 Sử	
4	320350	LÊ XUÂN PHÚ	17/01/2006	Nam	12 Toán	
5	320351	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	03/10/2006	Nam	12 Sử	
6	320352	NGUYỄN HỒNG PHÚC	16/12/2006	Nam	12 C3	
7	320353	NGUYỄN VĂN PHÚC	22/12/2006	Nam	12 Toán	
8	320354	BÙI MINH PHƯƠNG	13/12/2006	Nữ	12 Sử	
9	320355	DƯƠNG THU PHƯƠNG	01/06/2006	Nữ	12 C1	
10	320356	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	15/10/2006	Nữ	12 C3	
11	320357	NGUYỄN HOÀNG NAM PHÚC	20/01/2006	Nữ	12 Sử	
12	320358	TẶNG THỊ PHƯƠNG	01/02/2006	Nữ	12 C1	
13	320359	TRẦN THỊ HUYỀN PHƯƠNG	26/02/2006	Nữ	12 C3	
14	320360	VŨ TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	18/03/2006	Nam	12 Anh	
15	320361	LƯƠNG MINH QUANG	21/03/2006	Nam	12 C3	
16	320362	PHAN NHẬT QUANG	27/06/2006	Nam	12 Anh	
17	320363	VŨ NHẬT QUANG	24/09/2006	Nam	12 Tin	
18	320364	ĐẶNG LÊ MINH QUÂN	07/06/2006	Nam	12 Tin	
19	320365	TÔ ANH QUÂN	15/12/2006	Nam	12 Toán	
20	320366	BÙI BẢO QUYÊN	16/10/2006	Nữ	12 C3	
21	320367	TRẦN LÊ QUYÊN	14/11/2006	Nữ	12 Sinh	
22	320368	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	07/08/2006	Nữ	12 Địa	
23	320369	MAI THỊ NGỌC QUỲNH	22/01/2006	Nữ	12 Anh	

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1217

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320370	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	01/09/2006	Nữ	12 Địa	
2	320371	TRẦN DIỆU QUỲNH	09/07/2006	Nữ	12 Lý	
3	320372	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG SƠN	14/09/2006	Nam	12 Trung	
4	320373	NGUYỄN HÙNG SƠN	01/10/2006	Nam	12 C3	
5	320374	PHẠM THÁI SƠN	21/02/2006	Nam	12 Toán	
6	320375	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG TÂM	26/01/2006	Nam	12 C3	
7	320376	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	04/09/2006	Nữ	12 Trung	
8	320377	TĂNG CUỒNG TÂN	11/12/2006	Nam	12 Địa	
9	320378	TRỊNH ĐÌNH THANH	31/05/2006	Nam	12 Địa	
10	320379	BÙI TIẾN THÀNH	10/08/2006	Nam	12 Lý	
11	320380	ĐỖ MINH THÀNH	06/10/2006	Nam	12 Anh	
12	320381	HOÀNG TIẾN THÀNH	10/01/2006	Nam	12 Tin	
13	320382	NGÔ QUANG THÀNH	03/09/2006	Nam	12 C1	
14	320383	TRẦN PHÚ THÀNH	12/11/2006	Nam	12 C2	
15	320384	PHẠM HỒNG THÁI	30/04/2006	Nam	12 Tin	
16	320385	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	02/12/2006	Nữ	12 Trung	
17	320386	LÊ PHƯƠNG THẢO	01/03/2006	Nữ	12 Sử	
18	320387	LÊ THANH THẢO	23/06/2006	Nữ	12 C2	
19	320388	MẠC CHI THẢO	02/01/2006	Nữ	12 Toán	
20	320389	NGUYỄN ĐỖ VY THẢO	30/04/2006	Nữ	12 Tin	
21	320390	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	27/03/2006	Nữ	12 Văn	
22	320391	PHAN THỊ NGỌC THẢO	15/08/2006	Nữ	12 Địa	
23	320392	PHẠM LINH THẢO	13/06/2006	Nữ	12 Anh	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1218

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320393	PHẠM PHƯƠNG THẢO	24/11/2006	Nữ	12 Sinh	
2	320394	PHẠM PHƯƠNG THẢO	31/08/2006	Nữ	12 Địa	
3	320395	TRẦN PHƯƠNG THẢO	27/07/2006	Nữ	12 Trung	
4	320396	VŨ NGUYỄN THU THẢO	10/11/2006	Nữ	12 Toán	
5	320397	NGUYỄN QUANG THẮNG	04/08/2006	Nam	12 C1	
6	320398	LÊ DANH THỂ	23/10/2006	Nam	12 Sinh	
7	320399	LÊ QUANG THỊNH	12/05/2006	Nam	12 Tin	
8	320400	VŨ MINH THU	26/11/2006	Nữ	12 Hoá	
9	320401	VŨ NGỌC THANH THU	27/01/2006	Nữ	12 Hoá	
10	320402	LÊ PHƯƠNG THÙY	10/11/2006	Nữ	12 C3	
11	320403	HOÀNG THỊ THANH THÚY	11/08/2006	Nữ	12 Địa	
12	320404	LÊ VŨ THANH THÚY	26/11/2006	Nữ	12 Lý	
13	320405	TRẦN THỊ THU THỦY	21/10/2006	Nữ	12 Sử	
14	320406	ĐẶNG MINH THƯ	10/09/2006	Nữ	12 C2	
15	320407	LUU MINH THƯ	19/08/2006	Nữ	12 C2	
16	320408	NGUYỄN ANH THƯ	05/12/2006	Nữ	12 Hoá	
17	320409	NGUYỄN ANH THƯ	11/02/2006	Nữ	12 Sử	
18	320410	NGUYỄN THÁI UYÊN THƯ	12/08/2006	Nữ	12 Trung	
19	320411	PHẠM MINH THƯ	26/07/2006	Nữ	12 Địa	
20	320412	VŨ NGỌC ANH THƯ	10/11/2006	Nữ	12 Trung	
21	320413	LÊ THỊ VÂN THƯƠNG	11/07/2006	Nữ	12 Trung	
22	320414	NGUYỄN VĂN THỨ	14/07/2006	Nam	12 Toán	
23	320415	TRẦN MAI THY	08/01/2006	Nữ	12 Tin	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1219

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320416	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	01/03/2006	Nữ	12 Địa	
2	320417	BÊ THÀNH TIẾN	17/07/2006	Nam	12 Hoá	
3	320418	VŨ THỊ TÌNH	23/04/2006	Nữ	12 Sử	
4	320419	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	20/03/2006	Nam	12 Toán	
5	320420	BÙI KIỀU TRANG	27/12/2006	Nữ	12 Địa	
6	320421	DƯƠNG THU TRANG	12/07/2006	Nữ	12 C2	
7	320422	NGUYỄN GIA THUYẾT TRANG	29/01/2006	Nữ	12 C1	
8	320423	NGUYỄN THU TRANG	22/05/2006	Nữ	12 C1	
9	320424	PHẠM MAI TRANG	19/07/2006	Nữ	12 Địa	
10	320425	PHẠM QUỲNH TRANG	02/02/2006	Nữ	12 Văn	
11	320426	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	28/08/2006	Nữ	12 C2	
12	320427	PHẠM THUYẾT TRANG	31/01/2006	Nữ	12 Sinh	
13	320428	TRẦN HUYỀN TRANG	08/12/2006	Nữ	12 Trung	
14	320429	TRẦN THỊ THUYẾT TRANG	29/09/2006	Nữ	12 Trung	
15	320430	TRẦN THU TRANG	19/08/2006	Nữ	12 Sử	
16	320431	TRỊNH HÀ TRANG	24/07/2006	Nữ	12 Sinh	
17	320432	VƯƠNG NGUYỄN HÀ TRANG	28/10/2006	Nữ	12 Hoá	
18	320433	VƯƠNG THUYẾT TRANG	29/12/2006	Nữ	12 C2	
19	320434	NGÔ THANH TRÀ	27/01/2006	Nữ	12 Hoá	
20	320435	VŨ HƯƠNG TRÀ	22/01/2006	Nữ	12 Anh	
21	320436	VŨ KIM TRÀ	10/03/2006	Nữ	12 Trung	
22	320437	LÊ THUYẾT TRÂM	30/10/2006	Nữ	12 Hoá	
23	320438	ĐỖ PHẠM VIỆT TRỊNH	06/12/2006	Nữ	12 Anh	

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

Năm học: 2023 - 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: 1220

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	320439	BÙI ĐỨC TRÍ	10/09/2006	Nam	12 C2	
2	320440	TRẦN NGỌC MINH TRÍ	18/02/2006	Nam	12 Hoá	
3	320441	NGUYỄN QUANG TRUNG	27/12/2006	Nam	12 Lý	
4	320442	NGUYỄN MẠNH TUẤN	19/06/2006	Nam	12 Hoá	
5	320443	TRẦN MẠNH TUẤN	15/05/2006	Nam	12 Lý	
6	320444	KIM SƠN TÙNG	11/01/2006	Nam	12 Sử	
7	320445	BÙI NGỌC CÁT TƯỜNG	22/11/2006	Nữ	12 C3	
8	320446	NGUYỄN MINH TƯỜNG	16/11/2006	Nam	12 Sử	
9	320447	ĐOÀN PHƯƠNG UYÊN	20/02/2006	Nữ	12 Hoá	
10	320448	LÊ PHƯƠNG UYÊN	01/10/2006	Nữ	12 Hoá	
11	320449	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG UYÊN	09/09/2006	Nữ	12 Sử	
12	320450	PHẠM TRẦN THẢO UYÊN	03/09/2006	Nữ	12 Địa	
13	320451	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	29/11/2006	Nữ	12 Địa	
14	320452	NGUYỄN MINH VÂN	09/08/2006	Nữ	12 Lý	
15	320453	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	05/09/2006	Nữ	12 Sinh	
16	320454	TRẦN YẾN VI	20/07/2006	Nữ	12 Văn	
17	320455	HỒ BẢO VIỆT	27/12/2006	Nam	12 Sinh	
18	320456	MÃ QUỐC VIỆT	05/12/2006	Nam	12 Sử	
19	320457	NGUYỄN VĂN VŨ	16/02/2006	Nam	12 Hoá	
20	320458	BÙI THỊ NGỌC VY	02/01/2006	Nữ	12 C2	
21	320459	TRƯƠNG HÀ VY	24/12/2006	Nữ	12 Trung	
22	320460	VŨ BẢO VY	31/10/2006	Nữ	12 Sử	
23	320461	PHẠM THỊ HẢI YẾN	27/06/2006	Nữ	12 Toán	